

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20-9-2018

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đàm Quang Hiệp.

Các Hội thẩm nhân:

1. Ông Phạm Thanh Huân.

2. Bà Đoàn Thị Kim Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện M, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2018/TLST- HNGĐ, ngày 13 tháng 4 năm 2018, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXXST- HNGĐ, ngày 09 tháng 8 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2018/QĐST- DS, ngày 24 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lý Lê Thị Thùy N.

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Anh Dương Ngọc T.

Địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị N có mặt, anh T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/3/2018, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lý Lê Thị Thùy N trình bày: Chị và anh Dương Ngọc T tìm hiểu yêu thương nhau trong thời gian khoảng 01 năm, rồi được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện M vào ngày 18 tháng 10 năm 2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T chỉ lo

chơi bời, sống thiếu trách nhiệm với gia đình, bỏ bê vợ con và có quan hệ với người phụ nữ khác rồi về đánh đập chị. Chính vì vậy, vào tháng 7 năm 2017, vợ chồng chị ly thân mãi đến nay, phần ai nấy sống không quan tâm gì đến nhau. Trong thời gian ly thân, chị bị bệnh phải nằm viện điều trị thời gian dài nhưng anh T không quan tâm, chăm sóc chị cũng như con chung.

Nay xét thấy tình cảm giữa chị và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M cho chị được ly hôn với anh Dương Ngọc T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con tên Dương Ngọc Bảo T, sinh ngày 02/02/2016, hiện đang ở với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án chị yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng, nhưng tại phiên tòa, chị yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng, cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc với bà Trịnh Thị T cũng như biên bản xác minh ngày 05 tháng 7 năm 2018 thể hiện: Anh Dương Ngọc T đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi nhưng anh T không có văn bản ghi ý kiến của mình gửi cho Tòa án, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên không có ý kiến của anh T.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án gồm có: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Trích lục khai sinh Dương Ngọc Bảo T (bản sao); giấy chứng minh nhân dân tên Lý Lê Thị Thùy N (bản sao); sổ hộ khẩu đứng tên chủ hộ Lý Minh T (bản sao).

Các tình tiết các đương sự đã thống nhất được với nhau: Không có.

Các tình tiết các đương sự không thống nhất được với nhau: Không có.

Lý lẽ, lập luận của các đương sự:

- Chị N trình bày: Vợ chồng chị đã ly thân nhau từ tháng 7/2017 đến nay. Vào tháng 11/2017 chị phát hiện bệnh ung thư tuyến giáp, phải điều trị dài ngày, anh T biết chị bị bệnh nhưng vẫn không quan tâm, chăm sóc hay hỏi han gì chị thậm chí còn có quan hệ với người phụ nữ khác và không gửi tiền cho chị nuôi con như trước đây. Do vậy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu ly hôn anh T và nuôi con chung vì anh T không có trách nhiệm với con chung.

- Anh T vắng mặt tại phiên tòa, không có lý lẽ và lập luận gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn

đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, 53, 56, 81, 82 Luật HNGĐ 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Lý Lê Thị Thùy N được ly hôn Anh Dương Ngọc T; giao cháu Dương Ngọc Bảo T cho chị N nuôi dưỡng. Anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng; Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án bị đơn là Anh Dương Ngọc T biết nhưng cố tình né tránh, không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đã xác minh thời điểm thụ lý vụ án, anh T có mặt tại địa phương, hơn nữa mẹ anh T là bà Trịnh Thị T cùng nơi cư trú với anh T đã nhận thông báo thụ lý vụ án và đã giao lại tận tay anh T nhưng anh T từ chối quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở giải quyết vụ án vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Lý Lê Thị Thùy N và bị đơn Anh Dương Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 18/10/2016. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, nguyên đơn và bị đơn phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân nhau từ tháng 7 năm 2017 đến nay, phần ai nấy sống, không còn quan tâm lẫn nhau. Mặt khác, trong thời gian vợ chồng ly thân, chị N bị bệnh nhưng anh T không đến thăm nom, chăm sóc vợ và không nuôi dưỡng con chung. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc chị N xin ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị N và anh T có 01 con chung tên Dương Thị Bảo T, sinh ngày 02/02/2016, hiện đang ở với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Xét thấy cháu Trâm đang ở chung với chị N, khi chị N bị bệnh anh T, không chăm sóc vợ cũng không trực tiếp nuôi con. Khi chị N yêu cầu ly hôn anh T không đến Tòa án làm việc chứng tỏ anh T đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trách nhiệm đối với con chung. Do đó, để

đảm bảo ổn định về cuộc sống và các điều kiện phát triển về mọi mặt của con chưa thành niên. Căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con cho nguyên đơn chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là hoàn toàn hợp lý.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Tại phiên tòa chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Căn cứ vào khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Đây là nghĩa vụ của cha mẹ. Do đó, không phân biệt người trực tiếp nuôi con có khả năng kinh tế hay không, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử xét thấy việc chị N yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp với thực tế nên được chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[2.5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn; bị đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Lê Thị Thùy N được ly hôn Anh Dương Ngọc T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Dương Ngọc Bảo T, sinh ngày 02/02/2016 cho chị Lý Lê Thị Thùy N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9 năm 2018 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lý Lê Thị Thùy N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001014, ngày 13 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh Dương Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

4. Chị Lý Lê Thị Thùy N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (02/8/2018). Đối với Anh Dương Ngọc T không có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện M;
- Các đương sự;
- Chi Cục THADS huyện M;
- UBND xã Đ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đàm Quang Hiệp